

Số: 537 /BC-UBND

Hồng Châu, ngày 13 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO

Việc thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số để thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW giai đoạn 2024 – 2026

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Công văn số 3800/SKHCHN-CĐSBCVT ngày 07/10/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên về việc phối hợp báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề việc ban hành, thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW; căn cứ kết quả thực hiện tại địa phương, Ủy ban nhân dân phường Hồng Châu báo cáo như sau:

Báo cáo tổng hợp trên cơ sở hồ sơ, báo cáo của UBND phường Hồng Châu và các đơn vị chuyên môn; số liệu tiến độ nhiệm vụ và giải ngân được cập nhật đến ngày 30/9/2026 theo Báo cáo của Phòng Văn hóa - Xã hội về tiến độ giải ngân kinh phí thực hiện chuyển đổi số năm 2026 và các nhiệm vụ trọng tâm quý IV/2026. Các kết quả thuộc kỳ thống kê trước được giữ nguyên thời điểm chốt số liệu để bảo đảm khả năng đối chiếu.

PHẦN 1

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. VỀ THỂ CHẾ HÓA VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt

UBND phường duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; giao Phòng Văn hóa - Xã hội phường làm đầu mối tham mưu, theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả. UBND phường ban hành Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 kiện toàn Ban Chỉ đạo; Ban Chỉ đạo ban hành Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 15/5/2026 với 15 chỉ tiêu và 23 nhiệm vụ, giải pháp, phân công theo yêu cầu rõ cơ quan chủ trì, đơn vị phối hợp, sản phẩm và thời hạn.

2. Kết quả cụ thể hóa chính sách, ban hành văn bản tổ chức thực hiện

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, UBND phường đã ban hành các văn bản cụ thể hóa, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trọng tâm gồm: Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 14/01/2026 về thực hiện chuyển đổi số năm 2026; Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 10/4/2026 về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu; Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 về kiện toàn Ban Chỉ đạo; Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 15/5/2026 với 15 chỉ tiêu, 23 nhiệm vụ; Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 27/5/2026 triển khai nhiệm vụ tại Quyết định số 1398/QĐ-UBND của UBND tỉnh; Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 01/6/2026 về phong trào thi đua phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 17/7/2026 triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã; Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 08/8/2026 về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 29/9/2026 tổ chức các hoạt động Ngày Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên và hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026. Ngoài ra, phường đã ban hành kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số và các văn bản triển khai phong trào phổ cập kỹ năng số, tổ công nghệ số cộng đồng theo nhiệm vụ được giao (chi tiết tại Phụ lục 01). Ngoài các văn bản nêu trên, UBND phường ban hành Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 18/9/2026 về thành lập Tổ công tác kiểm soát tiến độ, số liệu; Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 24/9/2026 triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia; Công văn số 1042/UBND-VHXXH ngày 24/9/2026 đôn đốc Kế hoạch số 303/KH-UBND của tỉnh; Công văn số 1049/UBND-VHXXH ngày 28/9/2026 về bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin. Báo cáo số 480/BC-UBND ngày 17/9/2026 tổng hợp kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW quý III và nhiệm vụ cuối năm 2026 (chi tiết tại Phụ lục 01).

UBND phường triển khai Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 27/7/2026 và Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 29/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên theo nhiệm vụ được phân công; thực hiện theo các tiêu chuẩn, nền tảng và hướng dẫn dùng chung của cấp có thẩm quyền; không ban hành riêng quy chuẩn kỹ thuật hoặc cơ chế vượt thẩm quyền của cấp phường.

3. Áp dụng nền tảng, kiến trúc dùng chung và trách nhiệm dữ liệu

UBND phường khai thác hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến, nền tảng định danh điện tử và các hệ thống chuyên ngành do cơ quan có thẩm quyền triển khai. Phường thực hiện cập nhật, đối soát, khai thác dữ liệu theo phân quyền, không đồng nhất trách nhiệm khai

thác dữ liệu với trách nhiệm chủ quản, xây dựng cơ sở dữ liệu cấp tỉnh hoặc quốc gia. Các yêu cầu kết nối, tích hợp và tái sử dụng dữ liệu thực hiện theo kiến trúc, tiêu chuẩn của cấp trên.

4. Kết quả nhiệm vụ trọng tâm đến ngày 30/9/2026

Theo báo cáo của Phòng Văn hóa - Xã hội, Kế hoạch số 294/KH-UBND giao 15 nhiệm vụ: đã hoàn thành 08/15 nhiệm vụ, đang thực hiện 05/15 nhiệm vụ, 02/15 nhiệm vụ đang khảo sát, đề xuất phương án thực hiện (*camera giám sát và quản lý ra vào thông minh*). Kế hoạch số 303/KH-UBND giao 09 nhiệm vụ: hoàn thành 05/09, đang triển khai 04/09. Việc đánh giá hoàn thành được xác định theo nội dung nhiệm vụ; đối với hệ thống IOC, địa phương đã tiếp nhận thiết bị và đang chờ hoàn thiện lắp đặt để đưa vào vận hành.

Một số kết quả cụ thể: đã tiếp nhận thiết bị phục vụ hệ thống IOC, chờ hoàn thiện lắp đặt; Trung tâm Phục vụ hành chính công được trang bị thiết bị và KIOSK thông minh; phòng họp không giấy tờ đã có thiết bị phục vụ vận hành; hệ thống truyền thanh thông minh có 70/70 cụm loa hoạt động; đã kiện toàn 09 Tổ công nghệ số cộng đồng; kênh Tammi OA được đưa vào vận hành và thu hút trên 2.000 lượt người dân theo dõi. Hai nhiệm vụ chưa triển khai theo Kế hoạch số 294 tại kỳ báo cáo gồm camera giám sát và giải pháp quản lý ra vào thông minh.

5. Cơ chế chuyên gia, tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng

Nguồn nhân lực công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại phường chủ yếu là cán bộ, công chức kiêm nhiệm. Qua rà soát theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP, phường không có cán bộ chuyên trách đủ điều kiện hưởng chính sách; UBND phường đã phân công công chức kiêm nhiệm phụ trách công nghệ thông tin. Hồ sơ hiện có chưa phản ánh việc bố trí vị trí tổng công trình sư hoặc kiến trúc sư trưởng ở cấp phường.

6. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc

Phòng Văn hóa - Xã hội phường phối hợp các đơn vị đôn đốc tiến độ, tổng hợp kết quả và tài liệu minh chứng trên hệ thống theo dõi nhiệm vụ. Các nhiệm vụ đang thực hiện được rà soát theo sản phẩm và mốc thời gian; đối với nhiệm vụ liên quan kinh phí đầu tư, thực hiện quy trình kỹ thuật, lập dự toán, phê duyệt, nghiệm thu và thanh toán theo quy định. Hồ sơ tổng hợp chưa thống kê riêng số cuộc kiểm tra, kết luận chỉ đạo và số phản ánh, kiến nghị phát sinh trong kỳ.

II. VỀ HUY ĐỘNG VÀ PHÂN BỐ NGUỒN LỰC

1. Nguồn lực tài chính và kết quả giải ngân

Đến ngày 30/9/2026, tổng kinh phí liên quan đến nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 là 2.206.000.000 đồng, gồm dự toán phân bổ đầu năm 1.227.000.000 đồng và bổ sung có mục tiêu theo Quyết định số 283 ngày 10/8/2026 là 979.000.000 đồng. Số đã giải ngân 375.037.000 đồng, đạt 17,00%; số chưa giải ngân 1.830.963.000 đồng. Riêng dự toán đầu năm đã giải ngân 375.037.000/1.227.000.000 đồng, đạt 30,57%; nguồn bổ sung có mục tiêu chưa phát sinh giải ngân.

Trong dự toán đầu năm, kinh phí phần mềm quản lý tài sản 30.000.000 đồng và phần mềm phục vụ công tác tài chính 35.000.000 đồng đã giải ngân 100%; kinh phí phần mềm, tập huấn giáo dục và chuyển đổi số được giao 241.000.000 đồng, đã giải ngân 154.950.000 đồng, còn 86.050.000 đồng chờ hoàn thiện hồ sơ học bạ điện tử năm học 2026 - 2027; kinh phí mua sắm thiết bị, tài sản và tập huấn chuyển đổi số được giao 828.900.000 đồng, đã giải ngân 155.087.000 đồng, còn 673.813.000 đồng, trong đó hồ sơ thanh toán 534.570.000 đồng đang phối hợp điều chỉnh mục lục ngân sách; kinh phí tiết kiệm 10% là 92.100.000 đồng chưa chi. Nguồn bổ sung có mục tiêu gồm 660.000.000 đồng cho mạng LAN và an toàn thông tin đang hoàn thiện thủ tục kỹ thuật, dự toán; 120.000.000 đồng cho Wi-Fi công cộng đang thực hiện ký hợp đồng và 199.000.000 đồng cho Zalo MiniApp đang ở bước nghiệm thu, dự kiến thanh toán khi đủ điều kiện trong quý IV/2026.

2. Nhân lực và đào tạo

Đến kỳ rà soát 30/9/2026, 43/43 cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi thống kê đã có thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và 43/43 người được cấp, sử dụng chữ ký số cá nhân. Phường đã tổ chức 05 lớp tập huấn cho cán bộ, công chức, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân, với 550 lượt tham dự; tỷ lệ hoàn thành nội dung hướng dẫn khoảng 80% theo báo cáo quý III.

3. Nguồn lực cộng đồng và doanh nghiệp

Phường kiện toàn 09 Tổ công nghệ số cộng đồng tại 09 tổ dân phố, gồm 63 thành viên. Các tổ tham gia hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến, sử dụng VNeID, thanh toán số, kỹ năng số và phòng ngừa rủi ro trên không gian mạng. Phường phối hợp doanh nghiệp viễn thông triển khai kênh Tammi OA, các điểm Wi-Fi công cộng và nền tảng tương tác; giá trị nguồn lực hỗ trợ ngoài ngân sách chưa được thống kê độc lập.

III. VỀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ

1. Hạ tầng và thiết bị đầu cuối

Theo báo cáo quý III, địa bàn 09/09 tổ dân phố có phủ sóng thông tin di động 4G/5G. Phường đã mua mới 11 máy tính, 03 máy scan và 01 màn hình; Trung tâm Phục vụ hành chính công được trang bị máy móc, KIOSK thông minh. Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đang vận hành 70/70 cụm loa. Việc nâng cấp mạng LAN, bổ sung thiết bị và hệ thống Wi-Fi công cộng đang tiếp tục theo tiến độ và nguồn kinh phí được giao.

2. Dữ liệu số và nền tảng dùng chung

UBND phường phối hợp rà soát, cập nhật, làm sạch dữ liệu dân cư, hộ tịch, đất đai, giáo dục, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các dữ liệu chuyên ngành theo phân quyền. Các trường tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn đã tạo lập, ký và phát hành học bạ số cho 100% học sinh thuộc phạm vi triển khai. Tỷ lệ cấp định danh điện tử mức 2 đạt trên 90%; cấp Căn cước cho công dân từ đủ 14 tuổi trở lên đạt 100% và nhóm từ 0 đến dưới 14 tuổi ước trên 80%, theo kỳ báo cáo quý III.

Tài liệu lưu trữ lịch sử chưa được số hóa đầy đủ. Nhiệm vụ chuẩn hóa, đối soát dữ liệu phục vụ hoàn thiện 104 cơ sở dữ liệu đang được triển khai từng bước theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; chưa có số liệu định lượng đáng tin cậy về tỷ lệ kết nối, tái sử dụng dữ liệu và trùng lặp dữ liệu từng cơ sở dữ liệu do phường khai thác.

3. Giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

Theo báo cáo quý III, 100% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc phạm vi thống kê được tiếp nhận trực tuyến, số hóa hồ sơ và cấp kết quả giải quyết dưới dạng điện tử; 100% hồ sơ, tài liệu công việc đủ điều kiện được tạo lập, xử lý trên môi trường điện tử, sử dụng chữ ký số theo quy định. Báo cáo nguồn chưa cung cấp bộ số liệu tổng số hồ sơ, tỷ lệ đúng hạn, thanh toán trực tuyến, mức độ hài lòng và tỷ lệ người dân tự thao tác tại thời điểm 30/9/2026.

4. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, quản trị điều hành số

UBND phường triển khai nền tảng trợ lý ảo ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ tra cứu, tổng hợp và hỗ trợ xử lý công việc; đồng thời thúc đẩy mô hình quản trị điều hành số, báo cáo số và phòng họp không giấy tờ. Việc sử dụng AI mang tính hỗ trợ; công chức có trách nhiệm kiểm tra nội dung, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và trình người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Chưa có số liệu đo lường chính thức thời gian tiết kiệm, tỷ lệ sai sót hoặc năng suất do AI mang lại.

5. Bảo đảm hoạt động chính quyền địa phương hai cấp

Phường duy trì các nền tảng dùng chung phục vụ quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Ba mô hình chuyển đổi số đã đăng ký triển khai gồm: Điểm hỗ trợ công dân số và dịch vụ công trực tuyến; Quản trị điều hành số và báo cáo số; Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân, hộ kinh doanh, tổ dân phố. Việc tổ chức thực hiện ưu tiên sử dụng hạ tầng, nền tảng hiện có, không đầu tư trùng lặp.

IV. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ

1. Phát triển kỹ năng và xã hội số

Phong trào “Bình dân học vụ số” được triển khai tại 06/09 tổ dân phố, đã hướng dẫn khoảng 3.000 người theo báo cáo đến 14/9/2026. UBND phường tiếp tục chỉ đạo Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân, nhất là người cao tuổi và nhóm hạn chế kỹ năng số. Các nội dung tập trung vào VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin và các tiện ích số.

2. Kinh tế số, hộ kinh doanh, doanh nghiệp

Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt, công cụ tương tác và quảng bá trên nền tảng số; kênh Tammi OA của phường được đưa vào vận hành, đạt trên 2.000 lượt theo dõi.

V. VỀ AN TOÀN THÔNG TIN, AN TOÀN DỮ LIỆU

Ngày 15/6/2026, Công an tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 4557/QĐ-CAT-PA05 phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống mạng nội bộ (LAN) của UBND phường Hồng Châu.

UBND phường tiếp tục rà soát phân quyền truy cập, quản lý thiết bị, sử dụng chữ ký số, phòng chống lừa đảo và bảo vệ dữ liệu cá nhân; triển khai tập huấn kiến thức an ninh mạng, dữ liệu cá nhân và trí tuệ nhân tạo. Theo báo cáo quý III, chưa ghi nhận vụ việc mất an toàn thông tin, lộ lọt dữ liệu cá nhân trong phạm vi thống kê; chưa có bảng thống kê riêng về diễn tập, sao lưu và kiểm thử phục hồi dữ liệu.

PHẦN 2

KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP

I. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Tiến độ giải ngân tính đến ngày 30/9/2026 đạt 17,00%, do các nhiệm vụ giá trị lớn đang hoàn thiện dự toán, hồ sơ kỹ thuật, hợp đồng và nghiệm thu, hoặc chờ điều

chỉnh mục lục ngân sách. Hai nhiệm vụ camera giám sát và quản lý ra vào thông minh còn ở giai đoạn khảo sát, đề xuất; nhiệm vụ chuẩn hóa, đối soát dữ liệu phục vụ 104 cơ sở dữ liệu còn phụ thuộc hướng dẫn chuyên môn của cơ quan quản lý cấp trên.

Nguồn nhân lực chuyển đổi số của phường chủ yếu kiêm nhiệm; năng lực khai thác AI, quản trị dữ liệu và an toàn thông tin chưa đồng đều. Khối lượng số hóa tài liệu cũ còn lớn; các chỉ tiêu về tái sử dụng dữ liệu, tỷ lệ người dân tự thực hiện dịch vụ công, hiệu quả kinh tế số và tiêu chí đánh giá hiệu quả AI chưa được lượng hóa đầy đủ. Một số nhiệm vụ chuẩn hóa 104 cơ sở dữ liệu và kết nối dữ liệu cần hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

II. GIẢI PHÁP, TRÁCH NHIỆM VÀ THỜI HẠN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội phường chủ trì tham mưu theo dõi, tổng hợp tiến độ Kế hoạch số 294/KH-UBND, Kế hoạch số 303/KH-UBND; đôn đốc cơ quan, đơn vị được giao chủ trì cập nhật sản phẩm, kết quả và minh chứng hằng tuần trong quý IV/2026; báo cáo UBND phường những khó khăn vượt thẩm quyền để xử lý.

2. Đối với nhiệm vụ mạng LAN, an toàn thông tin trị giá 660.000.000 đồng, Phòng Văn hóa - Xã hội phường khẩn trương hoàn thiện dự toán, thiết kế và thủ tục trình phê duyệt; triển khai lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng, nghiệm thu và thanh toán sau khi đủ điều kiện. Đối với Wi-Fi công cộng trị giá 120.000.000 đồng, hoàn thiện ký hợp đồng; đối với Zalo MiniApp trị giá 199.000.000 đồng, hoàn tất nghiệm thu và lập hồ sơ thanh toán trong quý IV/2026.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội phường phối hợp Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và Kho bạc Nhà nước xử lý hồ sơ điều chỉnh mục lục ngân sách đối với 534.570.000 đồng, phân đấu giải ngân trong tháng 10/2026; đôn đốc các cơ sở giáo dục hoàn thiện hồ sơ học bạ điện tử năm học 2026 - 2027 để thanh toán 86.050.000 đồng còn lại khi đủ điều kiện.

4. Công an phường phối hợp các đơn vị thực hiện Đề án 06, định danh điện tử, làm sạch dữ liệu và bảo đảm an ninh mạng trong phạm vi phân quyền. Trung tâm Phục vụ hành chính công chủ trì thống kê chất lượng, số lượng hồ sơ TTHC, tỷ lệ đúng hạn, số hóa, thanh toán trực tuyến và tỷ lệ người dân tự thao tác; tổng hợp theo tháng từ quý IV/2026.

5. Phòng Văn hóa - Xã hội phường phối hợp 09 Tổ công nghệ số cộng đồng, các tổ dân phố, đoàn thể và đơn vị cung cấp nền tảng đầy mạnh “Bình dân học vụ số”, vận hành Tammi OA và hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số; đánh giá theo số người sử dụng thực tế và kết quả hoàn thành khóa học, không chỉ tính lượt tuyên truyền.

PHẦN 3

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên tiếp tục hướng dẫn thống nhất về danh mục nền tảng dùng chung, tiêu chuẩn kết nối và tái sử dụng dữ liệu; hướng dẫn chỉ tiêu đo lường chuyển đổi số ở cấp xã, phường và có đầu mối hỗ trợ kỹ thuật các nhiệm vụ về mạng LAN, nền tảng dùng chung và AI.

2. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn cơ chế đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin; kịp thời tháo gỡ vướng mắc về dự toán, điều chỉnh mục lục ngân sách và giải ngân kinh phí; quan tâm nguồn lực nâng cấp hạ tầng, an toàn thông tin và phổ cập kỹ năng số tại cơ sở.

3. Đề nghị Công an tỉnh và các đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành hướng dẫn quy trình làm sạch, đồng bộ dữ liệu, thực hiện yêu cầu phục vụ 104 cơ sở dữ liệu; hỗ trợ kỹ thuật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, sao lưu, ứng cứu sự cố và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4. Đề nghị cấp có thẩm quyền hướng dẫn về vị trí việc làm, đào tạo và chế độ đối với cán bộ được phân công kiêm nhiệm công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an ninh mạng tại cấp phường; tăng cường đào tạo thực hành, gắn với chuẩn đầu ra và khả năng vận dụng vào công việc.

Trên đây là Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số để thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW giai đoạn 2024 - 2026 của UBND phường Hồng Châu. UBND phường kính gửi Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên tổng hợp theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Phòng Văn hóa - Xã hội phường;
- Lưu: VT, VHXH.



Ký bởi: Ủy ban nhân dân phường Hồng Châu
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian: 10/10/2024 10:33:35

Lâm Bá Quyết



PHỤ LỤC

Sổ hiệu báo cáo giám sát chuyên đề về chuyển đổi số giai đoạn 2024-2026
(~~Kèm theo Báo cáo số~~ 537/BC-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2026 của UBND
phường Hồng Châu)

Phụ lục 01. Danh mục văn bản đã ban hành và văn bản còn nợ đọng

TT	Tên văn bản/nhiệm vụ	Căn cứ/thời hạn	Tình trạng	Ghi chú
1	Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 14/01/2026 về thực hiện chuyển đổi số phường Hồng Châu năm 2026	Kế hoạch số 155/KH-UBND của UBND tỉnh	Đã ban hành	Chính quyền số, hạ tầng số, xã hội số
2	Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 10/4/2026 về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị trên địa bàn phường	Kế hoạch số 107/KH-UBND của UBND tỉnh	Đã ban hành	Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu
3	Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06	Nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành cấp phường	Đã ban hành	Kiện toàn tổ chức thực hiện
4	Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 15/5/2026 của Ban Chỉ đạo phường (15 chỉ tiêu, 23 nhiệm vụ)	Nghị quyết số 57-NQ/TW và kế hoạch của tỉnh	Đã ban hành	Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo
5	Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 27/5/2026 triển khai nhiệm vụ tại Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 24/4/2026	Quyết định số 1398/QĐ-UBND của UBND tỉnh	Đã ban hành	Rà soát danh mục nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026
6	Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 01/6/2026 triển khai phong trào thi đua “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” năm 2026	Kế hoạch phát động phong trào thi đua của UBND tỉnh	Đã ban hành	Tổ chức phong trào thi đua tại phường
	Kế hoạch số 157/KH-UBND	Công văn số		Lộ trình,

7	ngày 17/7/2026 triển khai Mô hình Chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn phường Hồng Châu	2763/BKHCN-CĐSQG và số 3757/UBND-KGVX	Đã ban hành	nhiệm vụ chuyển đổi số cấp xã
8	Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 08/8/2026 phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phường Hồng Châu giai đoạn 2026–2030	Kế hoạch số 294/KH-UBND của UBND tỉnh	Đã ban hành	Định hướng giai đoạn 2026–2030
9	Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số của phường	Kế hoạch số 303/KH-UBND của UBND tỉnh	Đã ban hành	Chưa có số, ngày văn bản trong hồ sơ đối chiếu
10	Báo cáo số 480/BC-UBND ngày 17/9/2026 về kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW quý III năm 2026 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cuối năm 2026	Công văn số 6187/UBND-KGVX ngày 15/9/2026	Đã ban hành	Văn bản báo cáo kết quả, không phải văn bản chỉ đạo
11	Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 18/9/2026 về thành lập Tổ công tác rà soát, hướng dẫn chuyên môn và thẩm tra, kiểm soát tiến độ, số liệu báo cáo các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CĐS phường Hồng Châu	Quyết định số 2863/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 của UBND tỉnh	Đã ban hành	Kiện toàn cơ chế đôn đốc, thẩm tra tiến độ và số liệu
12	Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 24/9/2026 triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn phường Hồng Châu	Quyết định số 1308/QĐ-TTg ngày 18/7/2026; Kế hoạch số 358/KH-UBND ngày 16/9/2026	Đã ban hành	Chuẩn hóa, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu theo phân quyền
13	Công văn số 1042/UBND-VHXXH ngày 24/9/2026 về đôn đốc thực hiện Kế hoạch số 303/KH-UBND của UBND tỉnh	Công văn số 6414/UBND-KGVX ngày 23/9/2026	Đã ban hành	Đôn đốc tiến độ, làm sạch dữ liệu, giải ngân kinh phí

14	Công văn số 1049/UBND-VHXXH ngày 28/9/2026 về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW	Công văn số 7551/CAT-PA05 ngày 21/9/2026	Đã ban hành	Sao lưu dữ liệu, kiểm soát sửa chữa, bảo trì và quyền truy cập
15	Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 29/9/2026 tổ chức các hoạt động Ngày Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên và hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026	Kế hoạch số 361/KH-UBND của UBND tỉnh	Đã ban hành	Tổ chức tuyên truyền, hoạt động tháng 10/2026

Ghi chú: Không thống kê văn bản quy phạm pháp luật của cấp tỉnh là văn bản do phòng ban hành; hồ sơ chưa xác định nhiệm vụ ban hành văn bản quy định chi tiết còn nợ đọng.

Phụ lục 02. Nhiệm vụ trọng tâm được giao chủ trì

TT	Tên nhiệm vụ	Thời hạn	Tình trạng đến 30/9	Sản phẩm/nơi sử dụng và ghi chú
1	Kế hoạch 01/KH-BCĐ	Năm 2026	Hoàn thành 80% kế hoạch đề ra	Phường triển khai; cần đối chiếu từng sản phẩm
2	Kế hoạch 294/KH-UBND: 15 nhiệm vụ theo tổng hợp 30/9	Theo kế hoạch	08 hoàn thành; 05 triển khai; 02 khảo sát	Bao gồm camera và kiểm soát ra vào thông minh chưa triển khai
3	Kế hoạch 303/KH-UBND: 09 nhiệm vụ	Theo kế hoạch	05 hoàn thành; 04 triển khai	Sản phẩm theo nội dung từng nhiệm vụ
4	Kênh tương tác Tammi OA	Năm 2026	Đã vận hành	Trên 2.000 lượt theo dõi
5	Hệ thống truyền thanh thông minh	Năm 2026	Đang vận hành	70/70 cụm loa hoạt động

Ghi chú: Chỉ chọn nhiệm vụ, sản phẩm do phường thực hiện; danh mục chi tiết từng nhiệm vụ/chủ trì và số người sử dụng phải đối chiếu trên hệ thống để loại trừ nhiệm vụ chỉ phối hợp. Các tổng số thuộc những kế hoạch khác nhau, không cộng gộp.

Phụ lục 03. Nguồn lực tài chính cho chuyển đổi số

TT	Chỉ tiêu	Đến 30/9/2026	Ước cả 2026 / ghi chú
1	Tổng kinh phí bố trí	2.206.000.000 đồng	
2	Phân bổ đầu năm	1.227.000.000 đồng	
3	Bổ sung có mục tiêu	979.000.000 đồng	Quyết định số 283 ngày 10/8/2026
4	Số giải ngân	375.037.000 đồng	17,00% tổng kinh phí
5	Kinh phí chưa giải ngân	1.830.963.000 đồng	83,00%
6	Nguồn ngoài ngân sách	0	0

Phụ lục 04. Nhân lực chuyển đổi số cấp xã và cộng đồng

TT	Chỉ tiêu	Nhu cầu/định biên	Thực có	Thiếu hụt/ghi chú
1	Đầu mối chuyển đổi số chuyên trách/kiêm nhiệm	1	Đã phân công công chức kiêm nhiệm	0
2	Vị trí chuyên gia, kiến trúc sư trưởng	Không thuộc thẩm quyền tự quyết của phường	Chưa có số liệu xác nhận	Chưa xác định vị trí
3	Số cán bộ, công chức, viên chức trong phạm vi rà soát	43	43	
4	Tập huấn kỹ năng số	Chưa có số liệu xác nhận	05 lớp; 550 lượt	
5	Tổ công nghệ số cộng đồng	Chưa có số liệu xác nhận	09 tổ, 63 thành viên	0
6	Chứng nhận kỹ năng số	Chưa có số liệu xác nhận	Chưa có số liệu xác nhận	
7	Tỷ lệ người dân tự thực hiện DVC toàn trình	Chưa có số liệu xác nhận	Chưa có số liệu xác nhận	Chưa có số liệu xác nhận
8	Tỷ lệ sử dụng thường xuyên VNeID mức 2	Chưa có số liệu xác nhận	Chưa có số liệu xác nhận	Tỷ lệ cấp định danh mức 2 trên 90%, khác tỷ lệ sử dụng

Phụ lục 05. Hạ tầng số và thiết bị đầu cuối

TT	Chỉ tiêu	Tổng số/kết quả	Số/tỷ lệ chưa đạt	Kế hoạch, tiến độ
1	Thiết bị đầu cuối cán bộ trong diện rà soát	43/43 có thiết bị đáp ứng	0	100% công chức có máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu
2	Điểm mạng truyền số liệu chuyên dùng/mạng mật	01	01	Sử dụng theo hạ tầng cơ quan có thẩm quyền
3	Tổ dân phố phủ sóng 4G/5G	09/09	Khoảng 20%	100%
4	Trung tâm dữ liệu địa phương	0	0	
5	Truyền thanh thông minh	70/70 cụm loa hoạt động	0	Duy trì, bảo dưỡng

Phụ lục 06. Cơ sở dữ liệu và kết nối, chia sẻ dữ liệu

TT	Nhóm dữ liệu	Vai trò của phường	Tiến độ/kết quả	Kết nối TTDL quốc gia; chất lượng
1	Dữ liệu dân cư và định danh	Phối hợp làm sạch, khai thác theo phân quyền	Tiếp tục đối soát, sử dụng VNeID	
2	Hộ tịch	Cập nhật, khai thác theo phân quyền	Đang thực hiện	
3	Đất đai	Phối hợp rà soát, đối soát	Đang thực hiện	
4	Doanh nghiệp, hộ kinh doanh	Phối hợp cập nhật	Đang thực hiện	
5	Giáo dục/học bạ số	Triển khai tại đơn vị trường học	100% học sinh thuộc phạm vi triển khai đã lập, ký, phát hành học bạ số	
6	Dữ liệu an sinh và lĩnh vực khác	Khai thác theo phân quyền	Đang thực hiện	

Phụ lục 07. Nền tảng số và dịch vụ công trực tuyến

TT	Chỉ tiêu	Đến 30/9/2026	Ghi chú
1	Số nền tảng số được giao; tình trạng	Chưa có số liệu xác nhận	Sử dụng nền tảng dùng chung; chưa thống kê số lượng
2	Sự cố/gián đoạn nền tảng	Có xảy ra gián đoạn/chậm truy cập; chưa thống kê số lần	Cổng DVC quốc gia, VNeID và phần mềm chuyên ngành có lúc chậm, nghẽn; báo cáo chưa nêu số lượng sự cố.
3	Số phần mềm/tài khoản mỗi công chức	Chưa có số liệu xác nhận	Chưa có số đo
4	TTHC công bố/tích hợp/tái cấu trúc	Đã thực hiện rà soát, cập nhật, công khai và tái cấu trúc TTHC; chưa có số lượng	Báo cáo quý III nêu kết quả định tính, không thống kê số TTHC công bố/tích hợp/tái cấu trúc.
5	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến	2.388/2.388 hồ sơ mới tiếp nhận trực tuyến (100%); tương ứng 2.388/2.407 hồ sơ tính cả chuyển kỳ (99,21%)	440 toàn trình, 1.948 một phần, 19 chuyển kỳ; số liệu giai đoạn 15/6–14/9/2026, chưa đủ đến 30/9.
6	Tỷ lệ số hóa hồ sơ/kết quả	100%	
7	Tỷ lệ người dân tự thao tác	Chưa có số liệu xác nhận	
8	TTHC cắt giảm thành phần hồ sơ	Chưa có số liệu xác nhận	
9	Phản ánh, kiến nghị và xử lý	01 phản ánh, kiến nghị tiếp nhận; 01 đã giải quyết (100%)	Theo báo cáo, từ 15/6 đến 14/9/2026; chưa có số liệu đến hết 30/9.
10	Phần mềm nghiệp vụ bình quân mỗi công chức	Chưa có số liệu xác nhận	Chưa đo

11	Hồ sơ trực tuyến bị trả lại/hủy giữa chùng	Chưa có số liệu xác nhận	Chưa đo
----	--	-----------------------------	---------

Phụ lục 07a. Đánh giá ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

TT	Ứng dụng AI	Trạng thái	Năng suất	Độ tin cậy	Trách nhiệm giải trình
1	Trợ lý ảo hỗ trợ tra cứu, tổng hợp, soạn thảo	UBND phường đã mua phần mềm AI của tập đoàn MISA	Giảm thời gian trong tổng hợp, soạn thảo văn bản	Công chức kiểm tra, đối chiếu nguồn	Người có thẩm quyền duyệt, ký chịu trách nhiệm; không dùng AI thay quyết định